

Số: /2026/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định tiêu chí dự án phát triển sản xuất giống nông nghiệp
được hỗ trợ phát triển sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp
đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Thông tư số 107/2021/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp thực
hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất giống trong Chương trình phát triển nghiên cứu, sản
xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 35/2026/NQ-HĐND ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định nội dung và mức chi từ ngân sách địa phương
cho phát triển sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp đến năm 2030
trên địa bàn tỉnh Cà Mau;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số
712/TTr-SNNMT ngày 26 tháng 6 năm 2026; Tờ trình số 743/TTr-SNNMT ngày 06
tháng 7 năm 2026; Báo cáo số 1078/BC-SNNMT ngày 06 tháng 7 năm 2026 (kèm
theo ý kiến Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh);*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định tiêu chí dự án phát triển sản
xuất giống nông nghiệp được hỗ trợ phát triển sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại
ngành nông nghiệp đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tiêu chí dự án phát triển sản xuất giống nông nghiệp
được hỗ trợ phát triển sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp đến năm
2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý Nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng,
nhiệm vụ quản lý, nghiên cứu, sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi
và giống thủy sản (sau đây gọi là giống).

2. Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân nghiên cứu, sản
xuất giống.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Tiêu chí dự án phát triển sản xuất giống nông nghiệp

Các dự án phát triển sản xuất giống nông nghiệp được hỗ trợ theo Nghị quyết số 35/2026/NQ-HĐND ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định nội dung và mức chi từ ngân sách địa phương cho phát triển sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau phải đảm bảo các tiêu chí quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 7 năm 2026.
2. Quyết định số 21/2024/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau quy định tiêu chí dự án phát triển sản xuất giống nông nghiệp được hỗ trợ theo Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định nội dung và mức chi từ ngân sách địa phương cho phát triển sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2023 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức phản ánh kịp thời đến Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB và TCTHPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban TT UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP Đoàn ĐB Quốc hội và HĐND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- LĐVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng NN-XD;
- Lưu: VT, NN-XD (Như_{QPPL9/2}), TH473/7.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Sử

PHỤ LỤC
Tiêu chí dự án phát triển sản xuất giống nông nghiệp được hỗ trợ
phát triển sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp
đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

TT	Tiêu chí	Nội dung quy định tiêu chí
A	LĨNH VỰC THỦY SẢN	
I	Dự án sản xuất tôm giống	
1	Loại giống	Tôm (sú, thẻ chân trắng)
2	Quy mô	Sản xuất đạt từ 100 triệu con giống/năm/cơ sở trở lên
3	Nguồn nhân lực tham gia thực hiện	Có nhân viên kỹ thuật được đào tạo trung cấp trở lên về nuôi trồng thủy sản hoặc bệnh học thủy sản hoặc sinh học
4	Quy trình kỹ thuật áp dụng	Theo tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) hoặc tương đương lĩnh vực thủy sản
5	Sản phẩm của dự án	Đạt Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8398:2012 đối với tôm sú; TCVN 10257:2014 đối với Tôm thẻ chân trắng
II	Dự án sản xuất giống thủy sản (trừ giống tôm sú, thẻ chân trắng)	
1	Loại giống	Tôm càng xanh; cua biển; sò huyết; cá (sặc rằn, lóc, rô, trê, hanh, nẫu, bớp, mú, kèo, dứa, đối, chẻm)
2	Quy mô	- Đối với tôm càng xanh, sản xuất đạt 30 triệu giống/năm/cơ sở trở lên; - Đối với cua biển, sản xuất đạt 3 triệu giống/năm/cơ sở trở lên; - Đối với sò huyết, sản xuất đạt 500 triệu giống/năm/cơ sở trở lên; - Đối với cá các loại, sản xuất đạt từ 20 - 25 triệu cá bột/năm/cơ sở trở lên.
3	Nguồn nhân lực tham gia thực hiện	Có nhân viên kỹ thuật được đào tạo trung cấp trở lên về nuôi trồng thủy sản hoặc bệnh học thủy sản hoặc sinh học
4	Quy trình kỹ thuật áp dụng	Theo tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) hoặc tương đương lĩnh vực thủy sản
5	Sản phẩm của dự án	- Đạt Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9389:2014 giống tôm càng xanh - yêu cầu kỹ thuật. - Đạt Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 14336:2025 giống cua biển (<i>Scylla paramamosain</i> Estampador, 1949) - yêu cầu kỹ thuật. - Đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-33-3:2021/BNNPTNT giống cá nước ngọt-phần 3. - Đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-36:2021/BNNPTNT giống cá nước mặn, lợ.

TT	Tiêu chí	Nội dung quy định tiêu chí
III	Dự án tiếp nhận công nghệ sản xuất giống thủy sản	
1	Loại giống	Tôm (sú, thẻ chân trắng, càng xanh); cua biển; sò huyết; cá (sặc rằn, lóc, rô, trê, hanh, nâu, bớp, mú, kèo, dứa, đối, chêm)
2	Quy mô	- Đối với tôm sú và tôm thẻ chân trắng, sản xuất đạt từ 100 triệu con giống/năm/cơ sở trở lên; - Đối với tôm càng xanh, sản xuất đạt 30 triệu giống/năm/cơ sở trở lên; - Đối với cua biển, sản xuất đạt 3 triệu giống/năm/cơ sở trở lên; - Đối với sò huyết, sản xuất đạt 500 triệu giống/năm/cơ sở trở lên; - Đối với cá các loại, sản xuất đạt từ 20 - 25 triệu cá bột/năm/cơ sở trở lên.
3	Nguồn nhân lực tham gia thực hiện	Có nhân viên kỹ thuật được đào tạo trung cấp trở lên về nuôi trồng thủy sản hoặc bệnh học thủy sản hoặc sinh học
4	Quy trình kỹ thuật áp dụng	Quy trình công nghệ áp dụng được cơ quan chuyên môn có thẩm quyền xác nhận theo Luật chuyển giao công nghệ
5	Sản phẩm của dự án	Đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-34-1:2021/BNNPTNT
B	LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT	
I	Dự án mua bản quyền giống lúa mới	
1	Loại giống	Giống lúa có đặc tính chịu phèn, mặn $\geq 4^0/00$; nhóm lúa có giá trị về dinh dưỡng
2	Quy mô	Khảo nghiệm tối thiểu 1 ha/giống trở lên
3	Nguồn nhân lực tham gia thực hiện	Có nhân viên kỹ thuật được đào tạo trung cấp trở lên về trồng trọt và bảo vệ thực vật hoặc khoa học cây trồng hoặc sinh học
4	Quy trình kỹ thuật áp dụng	Quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) lĩnh vực trồng trọt hoặc tương đương
5	Sản phẩm của dự án	Đạt Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13381-1:2023
II	Dự án phát triển sản xuất lúa giống	
1	Loại giống	Giống lúa trong bộ giống được khuyến cáo của tỉnh (ưu tiên giống có đặc tính chịu phèn, mặn, nhóm lúa có giá trị về dinh dưỡng)
2	Quy mô	Cấp nguyên chủng 5 - 10 ha Cấp xác nhận 50 - 100 ha
3	Nguồn nhân lực tham gia thực hiện	Có nhân viên kỹ thuật được đào tạo trung cấp trở lên về trồng trọt và bảo vệ thực vật hoặc khoa học cây trồng hoặc sinh học

TT	Tiêu chí	Nội dung quy định tiêu chí
4	Quy trình kỹ thuật áp dụng	Quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) lĩnh vực trồng trọt hoặc tương đương
5	Sản phẩm của dự án	Đạt Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13381-1:2023
III	Dự án phát triển sản xuất chuối giống	
1	Loại giống	Chuối xiêm; giống chuối địa phương; chuối Già Nam Mỹ (<i>Cavendish Banana</i>)
2	Quy mô	Chuối xiêm > 5 ha Các giống chuối địa phương > 2 ha Chuối già Nam Mỹ (<i>Cavendish Banana</i>) 200.000 cây con/năm
3	Nguồn nhân lực tham gia thực hiện	Có nhân viên kỹ thuật được đào tạo trung cấp trở lên về trồng trọt và bảo vệ thực vật hoặc khoa học cây trồng hoặc sinh học
4	Quy trình kỹ thuật áp dụng	Quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) lĩnh vực trồng trọt hoặc tương đương
5	Sản phẩm của dự án	Cây chuối giống đạt tiêu chuẩn giống cây trồng, sạch bệnh, sinh trưởng phát triển tốt, có nguồn gốc rõ ràng theo quy định của pháp luật hiện hành
C	LĨNH VỰC CHĂN NUÔI	
I	Dự án sản xuất tinh	
1	Loại giống	Heo ngoại (Duroc, Yorshire, Landrace)
2	Quy mô	Tối thiểu 05 con; trọng lượng từ 30kg/con trở lên
3	Nguồn nhân lực tham gia thực hiện	Có nhân viên kỹ thuật được đào tạo trung cấp trở lên về chăn nuôi hoặc thú y hoặc sinh học
4	Quy trình kỹ thuật áp dụng	Chăn nuôi an toàn sinh học hoặc quy trình thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP)
5	Sản phẩm của dự án	Đạt Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13474-3:2022
II	Dự án sản xuất heo giống	
1	Loại giống	Heo ngoại (Duroc, Yorshire, Landrace)
2	Quy mô	Tối thiểu 50 con; trọng lượng từ 30kg/con trở lên
3	Nguồn nhân lực tham gia thực hiện	Có nhân viên kỹ thuật được đào tạo trung cấp trở lên về chăn nuôi hoặc thú y hoặc sinh học
4	Quy trình kỹ thuật áp dụng	Chăn nuôi an toàn sinh học hoặc quy trình thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP)
5	Sản phẩm của dự án	Đạt Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13474-3:2022
III	Dự án sản xuất gia cầm giống	
III.1	Giống gà	
1	Loại giống	Gà dòng thuần

TT	Tiêu chí	Nội dung quy định tiêu chí
2	Quy mô	Tối thiểu 600 con mái, 60 con trống; 01 ngày tuổi trở lên
3	Nguồn nhân lực tham gia thực hiện	Có nhân viên kỹ thuật được đào tạo trung cấp trở lên về chăn nuôi hoặc thú y hoặc sinh học
4	Quy trình kỹ thuật áp dụng	Chăn nuôi an toàn sinh học hoặc quy trình thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP)
5	Sản phẩm của dự án	Đạt Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13474-1:2022
III.2	Giống vịt	
1	Loại giống	Vịt dòng thuần
2	Quy mô	Tối thiểu 600 con mái, 150 con trống; 01 ngày tuổi trở lên
3	Nguồn nhân lực tham gia thực hiện	Có nhân viên kỹ thuật được đào tạo trung cấp trở lên về chăn nuôi hoặc thú y hoặc sinh học
4	Quy trình kỹ thuật áp dụng	Chăn nuôi an toàn sinh học hoặc quy trình thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP)
5	Sản phẩm của dự án	Đạt Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13474-1:2022
D	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP	
I	Bình tuyển cây trội	
1	Loại giống	Tràm; đước
2	Quy mô	100 cây trội trở lên
3	Nguồn nhân lực tham gia thực hiện	Có nhân viên kỹ thuật được đào tạo trung cấp trở lên về lâm sinh hoặc sinh học
4	Quy trình kỹ thuật áp dụng	Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8755:2024 giống cây trồng lâm nghiệp - cây trội
5	Sản phẩm của dự án	Đạt Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8755:2024
II	Xây dựng rừng giống	
1	Loại giống	Tràm
2	Quy mô	10 ha trở lên
3	Nguồn nhân lực tham gia thực hiện	Có nhân viên kỹ thuật được đào tạo trung cấp trở lên về lâm sinh hoặc sinh học
4	Quy trình kỹ thuật áp dụng	Theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8758:2018 giống cây lâm nghiệp - rừng giống
5	Sản phẩm của dự án	Đạt Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8758:2018
III	Xây dựng vườn giống	
1	Loại giống	Tràm; keo lai
2	Quy mô	10.000 cây trở lên
3	Nguồn nhân lực tham gia thực hiện	Có nhân viên kỹ thuật được đào tạo trung cấp trở lên về

TT	Tiêu chí	Nội dung quy định tiêu chí
	gia thực hiện	lâm sinh hoặc sinh học
4	Quy trình kỹ thuật áp dụng	Theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8757:2024 giống cây lâm nghiệp - vườn giống
5	Sản phẩm của dự án	Đạt Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8757:2024